

Số: /KH-CTK

Hải Phòng, ngày tháng 8 năm 2023

KẾ HOẠCH

Thực hiện Kế hoạch số 202/KH-UBND ngày 23/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Căn cứ Kế hoạch số 202/KH-UBND ngày 23/8/2022 của Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (viết gọn là CLTK 21-30) trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Cục Thống kê xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện với các dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Hiện đại hóa hoạt động thống kê theo hướng đổi mới sáng tạo, phát triển nhanh và vững chắc với hệ thống tổ chức, nguồn nhân lực phù hợp và chuyên nghiệp; sản xuất, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê theo chuẩn mực và thông lệ quốc tế; đáp ứng tốt hơn nhu cầu thông tin thống kê phục vụ công tác quản lý, điều hành, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

2. Triển khai tổ chức thực hiện toàn diện, có hiệu quả: Luật Thống kê, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê; các văn bản pháp luật khác liên có quan đến hoạt động thống kê.

3. Tổ chức tốt việc thực hiện Kế hoạch số 202/KH-UBND ngày 23/8/2022 của Chủ tịch UBND thành phố về việc triển khai thực hiện CLTK 21-30 trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Nội dung các công việc, đơn vị thực hiện, thời gian thực hiện và sản phẩm tương ứng với từng nhóm công việc được xác định theo Phụ lục Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của Cục Thống kê thành phố ban hành kèm theo Kế hoạch này.

2. Căn cứ vào Kế hoạch thực hiện CLTK 21-30 của Cục Thống kê; Các phòng, Chi cục Thống kê quận, huyện, khu vực cụ thể hóa từng công việc được phân công và phối hợp trong kế hoạch này. Đồng thời, tổ chức thực hiện các nội dung công việc phù hợp với thời gian và sản phẩm được quy định trong Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của Cục Thống kê.

3. Định kỳ hàng năm, các đơn vị báo cáo tình hình và kết quả thực hiện các nội dung công việc được phân công chủ trì, gửi phòng Thống kê Tổng hợp để

tổng hợp chung, báo cáo Lãnh đạo Cục, UBND thành phố, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) theo quy định.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Thống kê Tổng hợp là đơn vị đầu mối, định kỳ hàng năm kiểm tra, theo dõi và đánh giá tình hình thực hiện, tổng hợp các kiến nghị, đề xuất của các phòng, Chi cục Thống kê quận, huyện, khu vực; báo cáo Lãnh đạo Cục, UBND thành phố và Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) kết quả thực hiện CLTK21-30 theo yêu cầu.

2. Trưởng phòng, Chi cục trưởng Chi cục Thống kê quận, huyện, khu vực có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực được giao quản lý, điều hành thực hiện tốt những nội dung liên quan theo Kế hoạch. Tổng hợp báo cáo định kỳ gửi về đơn vị đầu mối **trước ngày 15/11 hàng năm** hoặc đột xuất theo yêu cầu.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh với Lãnh đạo Cục Thống kê (qua phòng Thống kê Tổng hợp) để kịp thời giải quyết./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo CTK;
- Các đơn vị thuộc CTK;
- Lưu: VT, TH.

CỤC TRƯỞNG

Lê Gia Phong

**Phụ lục các nhiệm vụ thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030
tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-CTK ngày tháng 8 năm 2023 của Cục Thống kê thành phố Hải Phòng)

STT	Nội dung công việc	Mã số quốc gia	Đơn vị tham mưu thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
I	CÁC NHÓM NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP						
1	Hoàn thiện thể chế, đổi mới mô hình tổ chức, phát triển nguồn nhân lực	01					
1.1	Hoàn thiện thể chế	011					
1.1.1	Góp ý sửa đổi Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê	0111	Phòng TK Tổng hợp	Các đơn vị thuộc Cục; Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện	2027	2030	Văn bản tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo Luật Thống kê sửa đổi, bổ sung
1.1.2	Góp ý xây dựng, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê (từ mã 1121-1125)	0112	Phòng TK Tổng hợp	Các đơn vị thuộc Cục; Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện		2022	Văn bản tổng hợp ý kiến góp ý
1.1.2.6	Triển khai áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê	01126					
1.1.2.6.1	Tổ chức Hội nghị triển khai Quyết định số 05/2023/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh huyện, xã; hội nghị hướng dẫn thu thập thông tin hệ thống chỉ tiêu thống	011261	Phòng Tổ chức – Hành chính Phòng Thống kê Tổng hợp	Các đơn vị thuộc Cục;	Năm 2023	Năm 2030	Hội nghị triển khai, hướng dẫn thu thập thông tin hệ thống biểu mẫu chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh huyện, xã

STT	Nội dung công việc	Mã số quốc gia	Đơn vị tham mưu thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
	kê cấp tỉnh huyện, xã						
1.2	Đổi mới và hoàn thiện mô hình tổ chức	012					
1.2.2	Kiện toàn mô hình tổ chức các phòng, Chi cục Thống kê theo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18/3/2020 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	0122	Phòng Tổ chức – Hành chính	Các đơn vị thuộc Cục;	Năm 2023	Năm 2024	Tham mưu Lãnh đạo CTK sắp xếp các phòng, Chi cục Thống kê theo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18/3/2020
1.2.3	Kiện toàn nhân sự lãnh đạo, công chức, người lao động khi tổ chức sắp xếp các đơn vị	0123	Phòng Tổ chức – Hành chính	Các đơn vị thuộc Cục;	Năm 2023	Năm 2024	Cục trưởng ban hành Quyết định nhân sự lãnh đạo, công chức, người lao động khi tổ chức sắp xếp các đơn vị
1.3	Phát triển nguồn nhân lực làm công tác thống kê	013					
1.3.2	Tăng cường huy động và sử dụng các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin	0132					
1.3.2.2	Huy động các chuyên gia, nhà khoa học trong các nhóm lĩnh vực tham gia một số hoạt động trong công tác thống kê	01322	Phòng Tổ chức – Hành chính	Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện. Các đơn vị thuộc Cục;	2022	2030	- Danh sách, kèm thông tin trích ngang liên quan của chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin; - Số lượng chuyên gia nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin được huy động từ bên ngoài tham gia vào các hoạt động thống kê.

STT	Nội dung công việc	Mã số quốc gia	Đơn vị tham mưu thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.3.2.4	Tổ chức các khóa học, lớp bồi dưỡng về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin... với sự tham gia giảng dạy của các chuyên gia	01324	Phòng Tổ chức – Hành chính	Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện. Các đơn vị thuộc Cục;		Hàng năm	- Số lượng khóa học, lớp bồi dưỡng được tổ chức có các chuyên gia về lĩnh vực khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin tham gia giảng dạy; - Số lượt công chức, viên chức tham dự các khóa học, lớp bồi dưỡng.
1.4	Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng	014					
1.4.1	Tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho công chức, viên chức thuộc hệ thống thống kê tập trung	0141					
1.4.1.1	Rà soát, tổng hợp thực trạng nguồn nhân lực tại Cục Thống kê, Chi cục Thống kê	01411	Phòng Tổ chức – Hành chính	Các đơn vị thuộc Cục;		Hàng năm	Báo cáo thực trạng nguồn nhân lực của ngành thống kê Hải Phòng
1.4.1.2	Cử công chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch	01412	Phòng Tổ chức – Hành chính	Các đơn vị thuộc Cục		Hàng năm	- Số lượng lớp đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch được tổ chức; Số lượng công chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng được cấp chứng chỉ.
1.4.2	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho những người làm công tác thống kê tại các sở, ban, ngành và các đơn vị trực thuộc; UBND các quận, huyện, phường, xã	0142					
1.4.2.1	Rà soát, đánh giá thực trạng người làm công tác thống kê tại các sở, ban, ngành, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện và UBND các xã,	01421	Phòng Tổ chức – Hành chính	Các đơn vị thuộc Cục; Sở Nội vụ; Các sở, ban,		Hàng năm	Báo cáo rà soát thực trạng người làm công tác thống kê tại các sở, ban, ngành,

STT	Nội dung công việc	Mã số quốc gia	Đơn vị tham mưu thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
	phường, thị trấn			ngành, UBND các quận, huyện,			các cơ quan chuyên môn thuộc UBND quận huyện và UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố
1.4.2.2	Xây dựng chương trình, biên soạn tài liệu bồi dưỡng	01422	Phòng TK Tổng hợp	Các đơn vị thuộc Cục;	2023	2030	Chương trình đào tạo, bồi dưỡng được cấp có thẩm quyền phê duyệt
1.4.2.3	Theo dõi, đôn đốc, phối hợp với đơn vị chủ trì (Sở Nội vụ) xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực làm công tác thống kê tại các sở, ban, ngành và các đơn vị trực thuộc; UBND các quận, huyện, phường, xã hằng năm, 5 năm	01423	Phòng Tổ chức – Hành chính	Sở Nội vụ; Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, Các đơn vị thuộc Cục		Hằng năm; 5 năm	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm, 5 năm
1.4.2.4	Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho người làm công tác thống kê tại các sở, ban, ngành và các đơn vị trực thuộc; UBND các quận, huyện, phường, xã	01424	Phòng Tổ chức – Hành chính;	Sở Nội vụ; Các sở, ban, ngành UBND các quận, huyện, Các đơn vị thuộc Cục		Hằng năm	Số lớp đào tạo, bồi dưỡng được tổ chức; số lượng học viên tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng
1.4.2.5	Tổ chức các khóa bồi dưỡng, phổ biến kiến thức thống kê cho lãnh đạo các cơ quan, sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện	01425	Phòng Tổ chức – Hành chính;	Sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện, Các đơn vị thuộc Cục	Năm 2023	Năm 2030	Số lớp bồi dưỡng được tổ chức; Số lượng học viên tham dự các khóa bồi dưỡng
1.4.3	Hợp tác, liên kết với các cơ sở đào tạo trong công tác đào tạo, bồi dưỡng	0146	Phòng Tổ chức – Hành chính	Tổng cục Thống kê, Trường Cao đẳng Thống kê, Trường Đại học Hải Phòng		Hằng năm	Số lượng công chức được tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng Số lượng khóa đào tạo, bồi dưỡng;

STT	Nội dung công việc	Mã số quốc gia	Đơn vị tham mưu thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
2	Áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê	02					
2.1	Rà soát lại tiêu chuẩn thống kê đang sử dụng	021	Phòng Thống kê Tổng hợp	Các đơn vị thuộc Cục; Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện	Năm 2025	Năm 2026	Tiêu chuẩn thống kê được rà soát
2.1.1	Triển khai áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành tại các sở, ban, ngành, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện và UBND các xã, phường, thị trấn	0211	Phòng Thống kê Tổng hợp	Các đơn vị thuộc Cục; Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện, xã phường	2026	2030	Số các sở, ban, ngành, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện và UBND các xã, phường, thị trấn triển khai áp dụng các tiêu chuẩn thống kê ban hành
2.2	Triển khai áp dụng thống nhất các quy trình sản xuất thông tin thống kê	022					
2.2.1	Xây dựng kế hoạch và tổ chức các lớp tập huấn về các quy trình sản xuất thông tin thống kê	0221					
2.2.1.1	Xây dựng kế hoạch tổ chức các lớp tập huấn về các quy trình sản xuất thông tin thống kê	02211	Phòng Thống kê Tổng hợp	Các đơn vị thuộc Cục	Năm 2024	Năm 2025	Số lượng văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất các quy trình sản xuất thông tin thống kê
2.4.1.2	Tổ chức các lớp tập huấn về các quy trình sản xuất thông tin thống kê	02412	Phòng Thống kê Tổng hợp Phòng Tổ chức – Hành chính	Các đơn vị thuộc Cục; Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện	Năm 2024	Năm 2025	Số lớp tập huấn về các quy trình sản xuất thông tin thống kê

STT	Nội dung công việc	Mã số quốc gia	Đơn vị tham mưu thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
2.2.2	Triển khai các hoạt động thống kê đảm bảo đúng các bước của quy trình sản xuất thông tin thống kê	0242	Phòng Thu thập Thông tin thống kê	Các đơn vị thuộc Cục; Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện;	Năm 2024	Năm 2025	Các quy trình sản xuất thông tin thống kê được triển khai áp dụng thống nhất
3	Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý và quản trị dữ liệu	03					
3.1	Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu	031					
3.1.1	Đa dạng hóa hình thức và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu thống kê	0311					
3.1.1.1	Đa dạng hoá hình thức thu thập thông tin thống kê	03111	Phòng Thu thập Thông tin thống kê	Các đơn vị thuộc Cục; Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện	Năm 2022	Năm 2030	- Số lượng phần mềm được ứng dụng phục vụ thu thập thông tin thống kê từ hệ thống thông tin và dữ liệu hành chính của các cơ quan, đơn vị; - Số lượng các cuộc điều tra và tổng điều tra thống kê sử dụng phiếu điều tra điện tử thay cho phiếu giấy.
3.1.1.2	Ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong xử lý thống kê; ứng dụng công nghệ thông tin trong việc kiểm tra, giám sát, xử lý thông tin thống kê	03112	Phòng Thu thập Thông tin thống kê	Các đơn vị thuộc Cục; Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện	Năm 2022	Năm 2030	- Hệ thống xử lý thông tin thống kê; - Các hệ thống công nghệ thông tin (phần cứng, phần mềm) phục vụ tất cả các bước thu thập, giám sát và xử lý thông tin thống kê.

STT	Nội dung công việc	Mã số quốc gia	Đơn vị tham mưu thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.2	Ưu tiên sử dụng dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có của các cơ quan quản lý nhà nước cho hoạt động thống kê	0312					
3.1.2.1	Xây dựng và thường xuyên cập nhật cơ chế cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê, chia sẻ dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có giữa Cục Thống kê với các Sở, ban, ngành	03121	Phòng Thu thập Thông tin thống kê	Các đơn vị thuộc Cục; CCTK các quận, huyện, khu vực; Các sở, ban, ngành	Năm 2022	Năm 2030	Số lượng văn bản phối hợp giữa Cục Thống kê và các sở, ban, ngành về cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê chia sẻ dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có được ban hành, cập nhật
3.1.2.2	Sử dụng dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có của các cơ quan quản lý Nhà nước trong sản xuất thông tin thống kê	03123		Các đơn vị thuộc Cục; Các sở, ban, ngành	Năm 2022	Năm 2030	- Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn dữ liệu hành chính; - Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn dữ liệu sẵn có.
3.1.2.3	Sử dụng dữ liệu hành chính thu, chi ngân sách Nhà nước	03123	Phòng TK Tổng hợp	Các đơn vị thuộc Cục; Sở Tài chính; Kho bạc Nhà nước, UBND các quận, huyện	Năm 2022	Năm 2030	Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn Dữ liệu hành chính về ngân sách Nhà nước
3.1.2.4	Sử dụng dữ liệu hành chính về con người	03124	Phòng TK Xã hội	Các đơn vị thuộc Cục; Công an thành phố, UBND các quận, huyện	Năm 2022	Năm 2030	Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn Dữ liệu hành chính về con người

STT	Nội dung công việc	Mã số quốc gia	Đơn vị tham mưu thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.2.5	Sử dụng dữ liệu hành chính về đất đai	03125	Phòng TK Kinh tế	Các đơn vị thuộc Cục; Sở Tài nguyên và Môi trường	Năm 2022	Năm 2030	Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn Dữ liệu hành chính về đất đai
3.1.2.6	Sử dụng dữ liệu hành chính về cơ sở kinh tế	03126	Phòng TK Kinh tế	Các đơn vị thuộc Cục; Cục thuế; Sở Nội vụ	Năm 2022	Năm 2030	Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn Dữ liệu hành chính về cơ sở kinh tế
3.1.2.7	Sử dụng dữ liệu hành chính về thuế	03127	Phòng TK Kinh tế	Các đơn vị thuộc Cục; Cục thuế	Năm 2022	Năm 2030	Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn Dữ liệu hành chính về thuế
3.1.2.8	Sử dụng dữ liệu hành chính về hải quan	03128	Phòng Thu thập Thông tin thống kê	Các đơn vị thuộc Cục; Cục Hải quan	Năm 2022	Năm 2030	Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn Dữ liệu hành chính về xuất, nhập khẩu
3.1.2.9	Sử dụng dữ liệu hành chính về bảo hiểm	03129	Phòng TK Tổng hợp	Các đơn vị thuộc Cục; Bảo hiểm Xã hội thành phố	Năm 2022	Năm 2030	Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn Dữ liệu hành chính về bảo hiểm
3.1.2.10	Sử dụng dữ liệu hành chính về y tế	031210	Phòng TK Xã hội	Các đơn vị thuộc Cục; Sở Y tế	Năm 2022	Năm 2030	Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn Dữ liệu hành chính về y tế
3.1.2.11	Sử dụng dữ liệu hành chính về giáo dục	031211	Phòng TK Xã hội	Các đơn vị thuộc Cục; Sở Giáo dục	Năm 2022	Năm 2030	Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn Dữ liệu hành chính về giáo dục

STT	Nội dung công việc	Mã số quốc gia	Đơn vị tham mưu thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.2.12	Sử dụng dữ liệu hành chính về văn hóa, thể thao	031212	Phòng TK Xã hội	Các đơn vị thuộc Cục; Sở Văn hóa, Sở Du lịch	Năm 2022	Năm 2030	Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn Dữ liệu hành chính về văn hóa, thể thao
3.1.2.13	Sử dụng dữ liệu hành chính về xã hội môi trường	031213	Phòng TK Xã hội	Các đơn vị thuộc Cục; Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện	Năm 2022	Năm 2030	Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn Dữ liệu hành chính về xã hội, môi trường
3.1.3	Tích hợp các cuộc điều tra và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong tất cả các bước của quy trình điều tra	0313					
3.1.3.1	Triển khai tích hợp các cuộc điều tra có cùng lĩnh vực và đối tượng (đơn vị điều tra là doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể, hộ dân cư, hộ nông lâm thủy sản) theo hướng dẫn của TCTK	03131	Phòng Thu thập Thông tin thống kê	Các đơn vị thuộc Cục; Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện,	Năm 2022	Năm 2030	Số lượng các cuộc điều tra được tích hợp
3.1.3.2	Triển khai tin học hóa toàn bộ quy trình điều tra thống kê	03132	Phòng Thu thập Thông tin thống kê	Các đơn vị thuộc Cục; Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện,	Năm 2023	Năm 2030	Các bước trong quy trình điều tra thống kê được tin học hóa
3.1.3.3	Triển khai ứng dụng công nghệ thông minh (AI) hỗ trợ đối tượng cung cấp thông tin	03133	Phòng Thu thập Thông tin thống kê	Các đơn vị thuộc Cục; Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện	Năm 2025	Năm 2030	Số giải pháp thông minh (AI) được triển khai hỗ trợ đối tượng cung cấp thông tin
3.1.4	Ứng dụng khoa học thống kê, khoa học dữ liệu để khai thác nguồn dữ liệu lớn, dữ liệu mới cho hoạt động thống kê	0314					

STT	Nội dung công việc	Mã số quốc gia	Đơn vị tham mưu thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.4.1	Áp dụng công nghệ khai thác dữ liệu lớn để biên soạn chỉ tiêu thống kê, biên soạn một số chỉ tiêu báo cáo phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo thành phố	03141	Phòng TK Tổng hợp	Các đơn vị thuộc Cục; Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện	Năm 2025	Năm 2030	Số lượng chỉ tiêu, báo cáo
3.1.4.2	Rà soát, đánh giá và xác định danh mục dữ liệu mở; đề xuất giải pháp sử dụng dữ liệu mở phục vụ công tác thống kê	03142	Phòng Thu thập Thông tin thống kê	Các đơn vị thuộc Cục; Các sở, ban, ngành; các quận, huyện	Năm 2023	Năm 2030	- Danh mục dữ liệu mở phục vụ công tác thống kê; Giải pháp sử dụng dữ liệu mở của cơ quan nhà nước phục vụ công tác thống kê.
4	Đổi mới hoạt động xác định nhu cầu, phân tích, dự báo, biên soạn và phổ biến thông tin thống kê	04					
4.1	Nâng cao chất lượng hoạt động phân tích và dự báo thống kê	042					
4.1.2	Áp dụng khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại	0412					
4.1.2.1	Triển khai áp dụng khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê	04121	Phòng Thống kê Tổng hợp	Các đơn vị thuộc Cục; Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện	Năm 2022	Năm 2030	Số báo cáo/chuyên đề phân tích và dự báo áp dụng khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại
4.1.2.2	Áp dụng công cụ phần mềm tiên tiến đã nghiên cứu để thực hiện các báo cáo phân tích và dự báo thống kê	04122	Phòng Thống kê Tổng hợp	Các đơn vị thuộc Cục; Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện	Năm 2022	Năm 2030	Các chuyên đề phân tích và dự báo được áp dụng công cụ hiện đại

STT	Nội dung công việc	Mã số quốc gia	Đơn vị tham mưu thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.1.2.3	Tổ chức thu thập, sử dụng số liệu thống kê phục vụ công tác phân tích, dự báo của ngành, lĩnh vực phụ trách	04123	Phòng Thu thập Thông tin thống kê; Phòng Thống kê Tổng hợp	Các đơn vị thuộc Cục; Các sở, ban, ngành; các quận, huyện	Năm 2022	Năm 2030	- Số phương án điều tra, kế hoạch khảo sát được ban hành để thu thập số liệu; - Hệ thống số liệu thống kê phục vụ công tác phân tích, dự báo kinh tế vĩ mô, công tác kiểm sát
4.2	Đổi mới hoạt động biên soạn thông tin thống kê	042					
4.2.1	Đổi mới nội dung biên soạn thông tin thống kê	0421					
4.2.1.1	Rà soát lại các chỉ tiêu được biên soạn trong báo cáo KTXH tháng, quý, năm theo Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã được ban hành	04211	Phòng Thống kê Tổng hợp	Các đơn vị thuộc Cục; Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện	Năm 2022	Năm 2030	Danh mục chỉ tiêu kinh tế - xã hội được rà soát theo Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã
4.2.1.2	Tăng cường biên soạn thông tin thống kê về kinh tế - xã hội cập nhật số liệu một số chỉ tiêu thống kê chủ yếu vùng Đồng bằng Sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ, khối các thành phố trực thuộc Trung ương; các chỉ tiêu kinh tế số, logistic	04212	Phòng Thống kê Tổng hợp	Các đơn vị thuộc Cục; Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện	Năm 2022	Năm 2030	Số lượng báo cáo kinh tế xã hội tháng, quý, năm, các báo cáo phân tích và dự báo thống kê có biên soạn thông tin thống kê về vùng kinh tế - xã hội Đồng bằng Sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ, khối các thành phố trực thuộc Trung ương; các chỉ tiêu kinh tế số, logistic

STT	Nội dung công việc	Mã số quốc gia	Đơn vị tham mưu thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.2.2	Đổi mới hình thức và ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại vào hoạt động biên soạn thông tin thống kê	0422					
4.2.2.1	Triển khai phần mềm biên soạn báo cáo kinh tế - xã hội tháng, quý, năm	04221	Phòng Thống kê Tổng hợp	Các đơn vị thuộc Cục; Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện	2023	2030	Phần mềm biên soạn báo cáo kinh tế - xã hội tháng, quý, năm được áp dụng
4.2.2.2	Ứng dụng công cụ hiện đại để biên soạn thông tin thống kê dưới dạng video phục vụ họp báo kinh tế - xã hội quý, năm	04222	Phòng Thống kê Tổng hợp	Các đơn vị thuộc Cục; Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện	2023	2030	Các video thể hiện thông tin thống kê quý, năm được biên soạn phục vụ họp báo kinh tế - xã hội
4.2.2.3	Đổi mới hình thức trong biên soạn thông tin thống kê trên địa bàn	04223	Phòng Thống kê Tổng hợp	Các đơn vị thuộc Cục; Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện	Năm 2022	Năm 2030	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng maket số liệu KTXH được chuẩn hóa theo phương pháp mới; - Các thông tin đầu vào được chuẩn hóa điện tử trên Hệ thống thông tin báo cáo thành phố (LRIS); - Phần mềm biên soạn báo cáo kinh tế xã hội; - Xuất bản Niên giám Thống kê điện tử ...
4.3	Đổi mới hoạt động phổ biến thông tin thống kê	043					

STT	Nội dung công việc	Mã số quốc gia	Đơn vị tham mưu thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.3.1	Đa dạng hóa hình thức, nội dung công bố, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê	0431					
4.3.1.1	Sử dụng mạng xã hội (facebook, zalo), phương tiện truyền thông, trang web của các sở, ban, ngành, địa phương để phổ biến thông tin thống kê	04411	Phòng Thống kê Tổng hợp	Các đơn vị thuộc Cục; Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện		Hàng năm	Thông tin thống kê được phổ biến trên mạng xã hội, phương tiện truyền thông, trang web của các sở, ban, ngành, địa phương Thông tin thống kê của bộ, ngành được tích hợp, chia sẻ
4.3.1.2	Phổ biến các thông tin thống kê theo các chỉ tiêu thống kê mới được quy định trong Quyết định ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	04412	Phòng Thống kê Tổng hợp	Các đơn vị thuộc Cục; Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện		Hàng năm	Thông tin thống kê các chỉ tiêu mới được phổ biến trong các ấn phẩm thống kê, như: Tài liệu phổ biến thông tin thống kê ngành Hàng năm; Niên giám thống kê; Ấn phẩm Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh
4.3.1.3	Phổ biến số liệu thống kê theo hình thức thân thiện với người dùng tin (trên các nền tảng và hình thức biên soạn infographic, bảng, biểu đồ thị phù hợp với số liệu nhiều năm)	04313	Phòng Thống kê Tổng hợp	Các đơn vị thuộc Cục; Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện	Năm 2022	Năm 2030	Số sản phẩm thống kê được phổ biến rộng rãi trên trang web của Cục Thống kê, của Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện

STT	Nội dung công việc	Mã số quốc gia	Đơn vị tham mưu thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.3.1.4	Xây dựng Quy chế phổ biến, cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê thông tin thống kê nhà nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng	04314	Phòng Thu thập thông tin thống kê; Phòng Thống kê Tổng hợp	Các đơn vị thuộc Cục; Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện	Năm 2022	Năm 2030	Số quy chế phối hợp phổ biến thông tin thống kê giữa Cục Thống kê và các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện được ban hành
4.3.1.5	Tăng cường phổ biến thông tin về vùng kinh tế - xã hội Đồng bằng Sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ, khối các thành phố trực thuộc Trung ương	04315	Phòng Thống kê Tổng hợp	Các đơn vị thuộc Cục; Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện	2022	2030	Thông tin về vùng kinh tế - xã hội Đồng bằng Sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ, khối các thành phố trực thuộc Trung ương được phổ biến trong buổi họp báo, ấn phẩm, website...
4.3.1.6	Xây dựng, cập nhật, nâng cấp trang thông tin điện tử của Cục Thống kê	04316	Phòng Thu thập Thông tin thống kê	Sở TTTT, Các đơn vị thuộc Cục	2022	2030	Website của Cục Thống kê được xây dựng, cập nhật
4.3.1.7	Bảo đảm cung cấp sản phẩm thống kê kịp thời và tăng cường cung cấp dữ liệu thống kê vi mô	04317	Phòng Thống kê Tổng hợp	Các đơn vị thuộc Cục; Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện		Hàng năm	- Số lượng các sản phẩm thống kê được cung cấp tới người sử dụng thông tin thống kê kịp thời theo lịch công bố thông tin; Số lượt cung cấp dữ liệu vi mô các cuộc điều tra; dung lượng dữ liệu vi mô đã cung cấp.

STT	Nội dung công việc	Mã số quốc gia	Đơn vị tham mưu thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.4	Đẩy mạnh công tác truyền thông nhằm nâng cao nhận thức vai trò, tầm quan trọng của công tác thống kê	044					
4.4.1	Đa dạng hóa hình thức và phương tiện truyền thông về vai trò, tầm quan trọng của công tác thống kê	0441	Phòng Thống kê Tổng hợp	Các đơn vị thuộc Cục; Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện	2022	2030	- Kế hoạch tuyên truyền; Tài liệu tuyên truyền; Các bài viết trên báo in, báo điện tử; Các phóng sự, chuyên đề trên đài phát thanh - truyền hình Trung ương và địa phương.
4.4.1.1	Tổ chức các cuộc hội nghị phổ biến kiến thức thống kê, tập huấn chuyên đề, chuyên môn	04411	Phòng Thống kê Tổng hợp	Các đơn vị thuộc Cục; Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện	2022	2030	Số hội nghị, tập huấn
4.4.1.2	Tổ chức tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng: báo in, báo điện tử, sóng phát thanh, truyền hình	04412	Phòng Thống kê Tổng hợp	Các đơn vị thuộc Cục; Sở TT&TT; các cơ quan thông tấn, báo chí; UBND các quận, huyện	2022	2030	Số buổi phát thanh, truyền hình, số bài báo tuyên truyền về công tác thống kê
4.4.1.3	Tổ chức tuyên truyền trên các ấn phẩm thống kê và các hình thức, phương tiện khác	04413	Phòng Thống kê Tổng hợp	Các đơn vị thuộc Cục; Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện	2022	2030	- Số lượng Sổ tay, tài liệu, ấn phẩm; số buổi họp báo chuyên đề; -Số Ấn phẩm tuyên truyền về Luật Thống kê 2015, Luật thống kê sửa đổi bổ sung và các văn bản hướng dẫn thi hành.

STT	Nội dung công việc	Mã số quốc gia	Đơn vị tham mưu thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.4.2	Sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội để phổ biến, giáo dục pháp luật về thống kê, kiến thức và kỹ năng sử dụng thông tin thống kê	0442	Phòng Thống kê Tổng hợp	Các đơn vị thuộc Cục; Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện	2022	2030	- Các tài khoản chính thức trên các phương tiện truyền thông xã hội; Các clip ngắn, các bài giảng về Luật Thống kê, về kiến thức và kỹ năng sử dụng thông tin thống kê.
4.4.3	Tăng cường tương tác với người cung cấp và người sử dụng thông tin thống kê	0443	Phòng Thống kê Tổng hợp	Các đơn vị thuộc Cục; Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện	2022	2030	- Số lần tương tác; - Ý kiến phản hồi; - Các tài liệu hướng dẫn; - Hội nghị người dùng tin thống kê được tổ chức.
5	Đẩy nhanh tư liệu hóa, chuyển đổi số trong công tác thống kê	05					
5.1	Nghiên cứu, đề xuất xây dựng sửa đổi quy chế, chính sách về công nghệ thông tin để bảo đảm thực hiện tư liệu hóa và chuyển đổi số trong công tác thống kê	051					-
5.1.1	Rà soát, cập nhật các quy chế, chính sách về công nghệ thông tin để bảo đảm thực hiện tư liệu hóa và chuyển đổi số trong công tác thống kê	0511	Phòng Thu thập Thông tin thống kê	Các đơn vị thuộc Cục; Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện	2022	2030	Báo cáo tổng kết, đánh giá các quy chế, chính sách về công nghệ thông tin để bảo đảm thực hiện tư liệu hóa và chuyển đổi số trong công tác thống kê tại địa phương
5.1.2	Góp ý xây dựng Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia	0512	Phòng Thu thập Thông tin thống kê	Các đơn vị thuộc Cục; Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện	2022	2022 (đã thực hiện)	Tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia

STT	Nội dung công việc	Mã số quốc gia	Đơn vị tham mưu thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
5.2	Xây dựng cơ sở hạ tầng tạo nền tảng chuyển đổi số trong công tác thống kê	052					
5.2.1	Đánh giá hạ tầng công nghệ thông tin, nền tảng số phục vụ công tác thống kê	0521	Phòng Thu thập Thông tin thống kê	Các đơn vị thuộc Cục; Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện	2022	2030	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đánh giá hạ tầng công nghệ thông tin tại Cục Thống kê và các Chi cục Thống kê trực thuộc; - Báo cáo đánh giá hạ tầng công nghệ thông tin tại sở, ban, ngành và địa phương phục vụ công tác thống kê; - Báo cáo đánh giá về các nền tảng số phục vụ thu thập thông tin thống kê.
5.2.2	Chuyển đổi số trong công tác chỉ đạo điều hành	0522	Phòng Thu thập Thông tin thống kê	Các đơn vị thuộc Cục; Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện			<ul style="list-style-type: none"> - Công tác chỉ đạo điều hành các hoạt động thống kê được thực hiện chuyển đổi số
5.3	Tư liệu hóa công tác thống kê	053					
5.3.1	Thực hiện cập nhật lưu trữ công tác chỉ đạo điều hành trên cổng thông tin điện tử	0531	Phòng Thu thập Thông tin thống kê		2023	2030	Cơ sở dữ liệu lưu trữ công tác chỉ đạo điều hành trên cổng thông tin điện tử
5.3.2	Chuẩn hóa, số hóa, lưu trữ và quản lý trên không gian mạng	0532	Phòng Thu thập Thông tin thống kê	Các đơn vị thuộc Cục; Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện	2022	2030	<ul style="list-style-type: none"> - Quy trình hoạt động thống kê được chuẩn hóa; - Cơ sở dữ liệu về các tài liệu được số hóa; Sách điện tử.

STT	Nội dung công việc	Mã số quốc gia	Đơn vị tham mưu thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
5.3.2.1	Chỉnh lý tài liệu lưu trữ	05321	Phòng Thu thập Thông tin thống kê	Các đơn vị thuộc Cục; Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện		Hàng năm	Tài liệu lưu trữ được chỉnh lý hoàn chỉnh
5.3.2.2	Số hóa tài liệu lưu trữ	05322	Phòng Thu thập Thông tin thống kê	Các đơn vị thuộc Cục; Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện		Hàng năm	Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ được cập nhật
6	Tăng cường kiểm tra, giám sát, thanh tra chuyên ngành thống kê						
6.1	Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc cung cấp thông tin của các tổ chức, cá nhân	061					
6.1.1	Thanh tra việc cung cấp thông tin của các tổ chức, cá nhân	0611	Phòng Thống kê Tổng hợp	Các đơn vị thuộc Cục; Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện		Hàng năm	- Báo cáo kết quả thanh tra; - Kết luận thanh tra.
6.1.2	Kiểm tra việc cung cấp thông tin của các tổ chức, cá nhân	0612	Phòng Thống kê Tổng hợp	Các đơn vị thuộc Cục; Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện		Hàng năm	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Thông báo kết quả kiểm tra.
6.1.3	Giám sát việc cung cấp thông tin của các tổ chức, cá nhân	0613	Phòng Thống kê Tổng hợp	Các đơn vị thuộc Cục; Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện			
6.2	Đẩy mạnh kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước đã được cấp có thẩm quyền công bố	062					

STT	Nội dung công việc	Mã số quốc gia	Đơn vị tham mưu thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
6.2.1	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước đối với sở, ban, ngành	0621	Phòng Thống kê Tổng hợp	Các đơn vị thuộc Cục; Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện	2022	2030	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Thông báo kết quả kiểm tra.
6.2.2	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước đối với cấp quận, huyện	0622	Phòng Thống kê Tổng hợp	Các đơn vị thuộc Cục; UBND các quận, huyện	2022	2030	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Thông báo kết quả kiểm tra.
6.2.3	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước đối với cấp xã	0623	Phòng Thống kê Tổng hợp	Các đơn vị thuộc Cục; UBND cấp xã	2026	2030	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Thông báo kết quả kiểm tra.
6.3	Kiểm tra việc sản xuất thông tin đối với sở, ban, ngành	063	Phòng Thống kê Tổng hợp	Các phòng thuộc Cục Thống kê; Các sở, ban, ngành	2022	2030	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Thông báo kết quả kiểm tra.
7	Tăng cường cơ sở vật chất và huy động các nguồn lực tài chính phục vụ công tác thống kê	07					
7.1	Bảo đảm kinh phí thực hiện CLTK21-30	071					
7.1.1	Xây dựng Dự toán kinh phí thực hiện Chiến lược	0711	Phòng Tổ chức – Hành chính; Phòng Thống kê Tổng hợp	Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện		Hàng năm	Dự toán kinh phí thực hiện CLTK21-30 Hàng năm được phê duyệt
7.1.2	Phân bổ kinh phí thực hiện Chiến lược	0712	Phòng Tổ chức – Hành chính; Phòng Thống kê Tổng hợp	Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư; các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện		Hàng năm	- Kinh phí thực hiện CLPTTK thành phố được phân bổ cho các đơn vị thực hiện

STT	Nội dung công việc	Mã số quốc gia	Đơn vị tham mưu thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
7.2	Tập trung xây dựng và phát triển hạ tầng số, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin trong công tác thống kê	072					
7.2.1	Xây dựng dự toán kinh phí Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia	0721	Phòng Tổ chức – Hành chính; Phòng Thống kê Tổng hợp	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các Sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện	Năm 2022	Năm 2030	- Dự toán kinh phí hàng năm thực hiện các hoạt động hoặc nội dung của Đề án được UBND cấp thành phố phê duyệt
7.2.2	Phân bổ kinh phí Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia	0722	Phòng Tổ chức – Hành chính; Phòng Thống kê Tổng hợp	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các Sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện	Năm 2022	Năm 2030	- Kinh phí thực hiện Đề án hàng năm của UBND cấp thành phố được phân bổ
7.3	Hiện đại hóa cơ sở vật chất, phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về thống kê	073					
7.3.1	Xây dựng dự toán kinh phí Đề án tăng cường năng lực thống kê quốc gia (Phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý Nhà nước về thống kê)	0731	Phòng Tổ chức – Hành chính; Phòng Thống kê Tổng hợp	Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện	Năm 2024	Năm 2030	Dự toán kinh phí hàng năm được UBND thành phố phê duyệt
7.3.2	Đảm bảo kinh phí thực hiện Đề án tăng cường năng lực thống kê quốc gia	0732	Phòng Tổ chức – Hành chính; Phòng Thống kê Tổng hợp	Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở, ban, ngành; UBND các QH	Năm 2024	Năm 2030	Phương tiện và trang thiết bị làm việc được tăng cường

STT	Nội dung công việc	Mã số quốc gia	Đơn vị tham mưu thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
II	CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN, THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC						
8	Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện chiến lược và tổ chức Hội nghị triển khai thực hiện Chiến lược	08					
8.1	Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chiến lược 21-30 thành phố Hải Phòng	081	Phòng Thống kê Tổng hợp	Các sở, ban, ngành		Tháng 8/2022	Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chiến lược thành phố Hải Phòng
8.1.1	Thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ Thư ký giúp việc thực hiện Chiến lược thành phố Hải Phòng	0811	Phòng Thống kê Tổng hợp	Các sở, ban, ngành		Tháng 8/2022	Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ Thư ký giúp việc thực hiện Chiến lược thành phố Hải Phòng
8.1.2	Kiện toàn nhân sự Ban Chỉ đạo và Tổ Thư ký giúp việc thực hiện Chiến lược thành phố Hải Phòng	0812	Phòng Thống kê Tổng hợp	Các sở, ban, ngành		2026	Quyết định kiện toàn Ban Chỉ đạo và Tổ Thư ký giúp việc thực hiện Chiến lược thành phố Hải Phòng
8.2	Xây dựng, cập nhật Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 thành phố Hải Phòng	082					
8.2.1	Xây dựng Kế hoạch thực hiện CLTK21- 30 thành phố Hải Phòng	0822	Phòng Thống kê Tổng hợp	Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện		Tháng 8/2022	Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của UBND thành phố Hải Phòng được ban hành
8.2.1.1	Xây dựng Kế hoạch thực hiện KH CLTK21- 30 thành phố Hải Phòng của Cục Thống kê		Phòng Thống kê Tổng hợp	Các đơn vị thuộc Cục;		2023	Kế hoạch của CTK thực hiện KH số 202 triển khai thực hiện CLTK21-30 của UBND thành phố Hải Phòng

STT	Nội dung công việc	Mã số quốc gia	Đơn vị tham mưu thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
8.3	Tổ chức Hội nghị triển khai Kế hoạch thực hiện Chiến lược trên địa bàn thành phố	083	Phòng Tổ chức – Hành chính; Phòng Thống kê Tổng hợp	Văn phòng UBND thành phố; các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện		Tháng 8/2022	01 hội nghị do UBND thành phố chủ trì
9	Tổ chức theo dõi, đánh giá và tổng kết thực hiện Chiến lược	09					
9.1	Góp ý dự thảo Khung theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30	091	Phòng Thống kê Tổng hợp	Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện	Tháng 7/2022	Tháng 8/2022	Tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo Khung theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30
9.2	Áp dụng phần mềm theo dõi thực hiện CLTK21-30	092	Phòng Thống kê Tổng hợp	Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện		Hàng năm	Kết quả thực hiện CLTK21-30 hàng năm được báo cáo trên phần mềm
9.3	Tổ chức theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30	093					
9.3.1	Theo dõi thường xuyên quá trình thực hiện CLTK21-30	0931	Phòng Thống kê Tổng hợp			Hàng năm	Báo cáo theo dõi thực hiện CLTK21-30 hàng năm
9.3.2	Xây dựng báo cáo về tình hình thực hiện CLTK21-30 trình Chủ tịch UBND thành phố và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư	0932	Phòng Thống kê Tổng hợp	Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện		Năm 2023; 2027	Báo cáo tình hình thực hiện CLTK21-30 trình Chủ tịch UBND thành phố và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư

STT	Nội dung công việc	Mã số quốc gia	Đơn vị tham mưu thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
9.4	Sơ kết thực hiện CLTK21-30	094	Phòng Thống kê Tổng hợp	Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện	Tháng 9/2025	Tháng 12/2025	Báo cáo sơ kết của UBND thành phố (từ tháng 9 - 12/2025)
9.4.1	Hướng dẫn, đôn đốc các sở, ban, ngành, địa phương làm báo cáo sơ kết thực hiện CLTK21-30	11431	Phòng Thống kê Tổng hợp	Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện	Tháng 9/2025	Tháng 12/2025	- Công văn hướng dẫn; - Báo cáo sơ kết của các sở, ban, ngành, địa phương.
9.4.2	Biên soạn báo cáo sơ kết tình hình thực hiện CLTK21-30 tại Hải Phòng	0941	Phòng Thống kê Tổng hợp	Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện	Tháng 12/2025	Tháng 02/2026	Báo cáo sơ kết
9.4.3	Tổ chức Hội nghị sơ kết thực hiện CLTK21-30	0942	Phòng Tổ chức – Hành chính; Phòng TK Tổng hợp	Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện		Tháng 3/2026	Hội nghị sơ kết
9.5	Tổng kết thực hiện CLTK21-30	095					
9.5.1	Tổng kết tình hình thực hiện CLTK21- 30 tại thành phố Hải Phòng	0951	Phòng Thống kê Tổng hợp	Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện	Tháng 7/2030	Tháng 12/2030	- Báo cáo tổng kết UBND thành phố Hải Phòng (từ tháng 7-10/2030); Tổ chức Hội nghị tổng kết (tháng 10-12/2030).
9.5.1.1	Xây dựng kế hoạch, hướng dẫn, đôn đốc các sở, ban, ngành, địa phương làm báo cáo tổng kết thực hiện CLTK21-30	09511	Phòng Thống kê Tổng hợp	Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện	Tháng 7/2030	Tháng 12/2030	- Công văn hướng dẫn; - Báo cáo tổng kết của các sở, ban, ngành, địa phương.
9.5.1.2	Biên soạn báo cáo tổng kết tình hình thực hiện CLTK21-30 tại Hải Phòng	09512	Phòng Thống kê Tổng hợp	Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện	Tháng 7/2030	Tháng 12/2030	Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện CLTK21-30 tại Hải Phòng

STT	Nội dung công việc	Mã số quốc gia	Đơn vị tham mưu thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
				huyện			
9.5.1.3	Tổ chức Hội nghị tổng kết thực hiện CLTK21-30	09513	Phòng Tổ chức – Hành chính; Phòng Thống kê Tổng hợp	Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện		Tháng 12/2030	Hội nghị tổng kết thực hiện CLTK21-30 tại Hải Phòng